

Số: 123/TB-TCCB

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2017

THÔNG BÁO

Thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức Trường Đại học Nội vụ Hà Nội đợt 2 năm 2017

Hội đồng xét thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức họp vào 15^h00' ngày 13/4/2017 tại Phòng họp 102A.

Chủ trì cuộc họp: Ông Nguyễn Bá Chiến, Quyền Hiệu trưởng
Thư ký: Bà Lê Thị Thanh Tuyền, chuyên viên phòng TCCB

Sau khi nghe bà Phạm Thị Nga, Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ thông qua Hội đồng Tờ trình đề nghị xét thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, ý kiến các thành viên trong Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng kết luận:

I. Nhất trí chuyển từ chức danh nghề nghiệp Chuyên viên vào chức danh Giảng viên, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội cho 01 người, gồm:

Ông Nguyễn Đức Thiện, sinh ngày 26/05/1989, Khoa Nhà nước và Pháp luật

II. Nhất trí chuyển từ chức danh nghề nghiệp khác tương đương vào chức danh Giảng viên cho 24 người, Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh nhưng phải cam kết hoàn thiện các nội dung sau:

1. Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ phải có chứng chỉ ngoại ngữ thứ 2 đạt bậc 2 (A2).

2. Có chứng chỉ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thời hạn nộp chứng chỉ trước ngày 01/11/2017. Cá nhân nộp cam kết về phòng Tổ chức cán bộ trước ngày 01/5/2017.

3. Danh sách chuyển từ chức danh nghề nghiệp khác tương đương vào chức danh Giảng viên (theo danh sách đính kèm thông báo).

4. Viên chức chuyển từ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học vào chức danh giảng viên vẫn tiếp tục thực hiện giảng dạy bậc trung cấp chuyên nghiệp; được giảng dạy bậc cao đẳng, đại học sau khi có kết quả giảng báo cáo cấp Trường đạt yêu cầu (Quy trình giảng báo cáo thực hiện theo Quyết định số 1321/QĐ-ĐHNH ngày 15/10/2014 của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội về việc ban hành Quy trình giảng báo cáo của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội).

Thời gian thực hiện giảng báo cáo trước ngày 31/12/2017. Đối với giảng viên có năm sinh từ 1957 trở về trước vẫn thực hiện giảng dạy bậc trung cấp chuyên nghiệp, không thực hiện giảng báo cáo bậc cao đẳng, đại học.

III. Nhất trí thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp khác tương đương lên chức danh Chuyên viên cho 03 người, Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh bao gồm:

S T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Từ chức danh			Lên chức danh			Thời gian hưởng chức danh nghề nghiệp mới	Chứng chỉ cần bổ sung
			Chức danh, mã số	Bậc, Hệ số	Mức năng lương	Chức danh, mã số	Bậc, Hệ số	Mức năng lương		
1	Nguyễn Anh Đức	01/12/1971	Kế toán viên trung cấp 06.032	Bậc 7/12: 3,06	01/11/2015	Chuyên viên 01.003	Bậc 3/9: 3,00	01/11/2015	01/5/2017	Chứng chỉ ngoại ngữ và tin học
2	Nguyễn Thanh Hoàn	09/02/1984	Lưu trữ viên trung cấp 02.015	Bậc 5/12: 2,66	01/6/2016	Chuyên viên 01.003	Bậc 2/9: 2,67	01/6/2016	01/5/2017	Chứng chỉ ngoại ngữ và tin học
3	Đỗ Phước Sang	27/9/1988	Kỹ thuật viên 13.096	Bậc 3/12: 2,26	01/02/2016	Chuyên viên 01.003	Bậc 1/9: 2,34	01/02/2016	01/5/2017	Chứng chỉ ngoại ngữ

IV. Nhất trí thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp khác tương đương lên chức danh Kế toán viên cho 01 người, Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh bao gồm:

S T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Từ chức danh			Lên chức danh			Thời gian hưởng chức danh nghề nghiệp mới	Chứng chỉ cần bổ sung
			Chức danh, mã số	Bậc, Hệ số	Mức năng lương	Chức danh, mã số	Bậc, Hệ số	Mức năng lương		
1	Võ Thị Hồng Nhung	20/12/1987	Kế toán viên trung cấp 06.032	Bậc 5/12: 2,66	01/6/2016	Kế toán viên 06.031	Bậc 2/9: 2,67	01/6/2016	01/5/2017	Chứng chỉ ngoại ngữ và tin học

V. Thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp cán sự lên chức danh Chuyên viên cao đẳng cho 01 người, Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh, gồm:

S T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Từ chức danh			Lên chức danh			Thời gian hưởng chức danh nghề nghiệp mới	Chứng chỉ cần bổ sung
			Chức danh, mã số	Bậc, Hệ số	Mức năng lương	Chức danh, mã số	Bậc, Hệ số	Mức năng lương		
1	Trần Thị Huế	14/7/1989	Cán sự 01.004	Bậc 3/12: 2,26	01/02/2016	Chuyên viên cao đẳng 01a.003	Bậc 1/9: 2,34	01/02/2016	01/5/2017	Chứng chỉ chuyên viên

VI. Chưa xem xét thay đổi, thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho 17 viên chức, Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh (theo tài liệu đính kèm thông báo).

VII. Trường hợp đề nghị Bộ Nội vụ bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính

Phòng Tổ chức cán bộ hoàn thiện hồ sơ và trình Bộ Nội vụ đề nghị bổ nhiệm cho ông Đào Ngọc Quang, sinh ngày 07/12/1961, Phó Giám đốc thường trực Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh từ chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cao cấp lên chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính.

Phòng Tổ chức cán bộ thông báo để các đơn vị, cá nhân được biết. Mọi ý kiến phản ánh xin gửi về Phòng Tổ chức cán bộ (bà Lê Thị Thanh Tuyền) trước ngày 26/4/2017 để tổng hợp trình Ban Giám hiệu ra quyết định.

Sau thời gian trên nếu không có ý kiến phản ánh coi như các đơn vị và cá nhân đã nhất trí với kết luận của Hội đồng./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các PHT (để b/c);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Lưu TCCB.

TRƯỞNG PHÒNG



Trịnh Gia Hiếu

DANH SÁCH THAY ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN

T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Ngạch (Chức danh nghề nghiệp) hiện đang giữ	Bậc lương hiện nay	Thay đổi Chức danh nghề nghiệp giảng viên	Bậc lương	Mốc thời gian nâng lương	Thời gian đề nghị được hưởng ngạch mới	Bổ sung chứng chỉ		Thời hạn giảng bảo cáo cấp Trường
		Nam	Nữ							Ngoại ngữ	Tin học	
Thay đổi chức danh nghề nghiệp giảng viên từ giáo viên THCN của Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh:												
1	Nguyễn Thị Ngọc Bích		25-1-1981	15113	4/9: 3,33	V.07.01.03	4/9: 3,33	01/7/2016	01/5/2017		x	31/12/2017
2	Bùi Thị Bình		16-8-1973	15113	4/9: 3,33	V.07.01.03	4/9: 3,33	01/11/2016	01/5/2017	x	x	31/12/2017
3	Nguyễn Viết Bình	12-10-1981		15113	3/9: 3,00	V.07.01.03	3/9: 3,00	18/01/2014	01/5/2017	x	x	31/12/2017
4	Vũ Thị Kim Cúc		16-6-1981	15113	5/9: 3,66	V.07.01.03	5/9: 3,66	01/12/2016	01/5/2017	x	x	31/12/2017
5	Phạm Hồng Đạt	18-10-1972		15113	6/9: 3,99	V.07.01.03	6/9: 3,99	01/02/2016	01/5/2017	x		31/12/2017
6	Hoàng Văn Giang	20-1-1959		15113	9/9: 4,98+11%	V.07.01.03	9/9: 4,98+11%	01/10/2016	01/5/2017	x	x	31/12/2017
7	Vương Hồng Hạnh		15/11/1987	15113	1/9: 2,34	V.07.01.03	1/9: 2,34	01/7/2015	01/5/2017		x	31/12/2017
8	Trần Thị Hảo		9-5-1981	15113	4/9: 3,33	V.07.01.03	4/9: 3,33	09/4/2016	01/5/2017			31/12/2017
9	Hồ Đức Hiệp	17-4-1979		01003	4/9: 3,33	V.07.01.03	4/9: 3,33	16/9/2015	01/5/2017		x	31/12/2017
10	Vũ Thị Thu Hường		1-4-1978	15113	5/9: 3,66	V.07.01.03	5/9: 3,66	01/3/2014	01/5/2017	x	x	31/12/2017
11	Trần Lệ Hường		5-10-1979	15113	5/9: 3,66	V.07.01.03	5/9: 3,66	01/3/2014	01/5/2017	x	x	31/12/2017
12	Lê Hồng Huệ		4-11-1966	15113	6/9: 3,99	V.07.01.03	6/9: 3,99	01/7/2014	01/5/2017		x	31/12/2017
13	Phạm Văn Năm	25-7-1964		15113	6/9: 3,99	V.07.01.03	6/9: 3,99	01/8/2014	01/5/2017	x	x	31/12/2017
14	Cao Hoàng Nga		24-7-1979	15113	5/9: 3,66	V.07.01.03	5/9: 3,66	01/12/2015	01/5/2017	x	x	31/12/2017
15	Nguyễn Thị Linh Nhâm		22-7-1982	15113	4/9: 3,33	V.07.01.03	4/9: 3,33	01/5/2015	01/5/2017		x	31/12/2017
16	Nguyễn Thị Loan		24-5-1991	15113	1/9: 2,34	V.07.01.03	1/9: 2,34	01/7/2015	01/5/2017	x	x	31/12/2017
17	Nguyễn Công Quyền	1-5-1957		15112	9/9: 4,98	V.07.01.03	5/8: 5,36	01/9/2015	01/5/2017	x	x	31/12/2017
18	Tôn Nữ Thị Sáu		31-12-1978	15113	5/9: 3,66	V.07.01.03	5/9: 3,66	01/12/2015	01/5/2017			31/12/2017
19	Lâm Quang Thơ	6-4-1977		15113	6/9: 3,99	V.07.01.03	6/9: 3,99	01/02/2016	01/5/2017	x	x	31/12/2017
20	Phạm Thị Thu Trang		17-8-1981	15113	5/9: 3,66	V.07.01.03	5/9: 3,66	01/03/2016	01/5/2017		x	31/12/2017
21	Phạm Thị Tầm		27-8-1984	15.113	4/9: 3,33	V.07.01.03	4/9: 3,33	20/10/2016	01/5/2017	x	x	31/12/2017
22	Nguyễn Xuân An	9-10-1957		15113	9/9: 4,98+15%	V.07.01.03	9/9: 4,98+15%	01/9/2016	01/5/2017			
23	Phan Huy Bình	4-11-1957		15113	9/9: 4,98+11%	V.07.01.03	9/9: 4,98+11%	01/10/2016	01/5/2017			
24	Nguyễn Công Quyền	1-5-1957		15113	5/8: 5,36	V.07.01.03	9/9: 4,98	01/09/2015	01/5/2017			

DANH SÁCH CHƯA XEM XÉT THAY ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

S T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Từ chức danh			Lên chức danh			Lý do chưa xem xét
			Chức danh, mã số	Bậc, Hệ số	Mức nâng lương	Chức danh, mã số	Bậc, Hệ số	Mức nâng lương	
1	Nguyễn Thị Bình	12/07/1970	Giáo viên THPT 15.113	Bậc 6/9: 3,99	01/05/2014	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 6/9: 3,99	01/05/2014	Chưa có chứng chỉ nghề vụ sư phạm
2	Trần Thị Châu	04/03/1985	Giáo viên THPT 15.113	Bậc 3/9: 3,00	22/08/2016	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 3/9: 3,00	22/08/2016	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm chưa đúng theo quy định
3	Trần Quốc Huy	02/03/1982	Giáo viên THPT 15.113	Bậc 3/9: 3,00	06/11/2014	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 3/9: 3,00	06/11/2014	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm chưa đúng theo quy định
4	Nguyễn Hùng	09/02/1990	Giáo viên THPT 15.113	Bậc 1/9: 2,34	16/06/2015	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 1/9: 2,34	16/06/2015	Chưa có chứng chỉ nghề vụ sư phạm
5	Lê Thị Khuyên	03/02/1983	Giáo viên THPT 15.113	Bậc 3/9: 3,00	01/07/2014	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 3/9: 3,00	01/07/2014	Chưa có chứng chỉ nghề vụ sư phạm
6	Nguyễn Thị Thu	27/07/1983	Giáo viên THPT 15.113	Bậc 2/9: 2,67	22/02/2016	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 2/9: 2,67	22/02/2016	Chưa có chứng chỉ nghề vụ sư phạm
7	Trần Minh Thắng	01/02/1986	Giáo viên THPT 15.113	Bậc 2/9: 2,67	15/03/2014	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 2/9: 2,67	15/03/2014	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm chưa đúng theo quy định
8	Nguyễn Xuân Vinh	01/01/1989	Giáo viên THPT 15.113	Bậc 1/9: 2,34	16/06/2015	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 1/9: 2,34	16/06/2015	Chưa có chứng chỉ nghề vụ sư phạm
9	Trần Thị Xuyến	08/10/1982	Giáo viên THPT 15.113	Bậc 3/9: 3,00	16/06/2015	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 1/9: 2,34	01/01/2014	Chưa có chứng chỉ nghề vụ sư phạm
10	Nguyễn Lê Hoài Vy	13/05/1987	Chuyên viên 01.003	Bậc 2/9: 2,67	01/10/2014	Giảng viên V.07.01.03	Bậc 2/9: 2,67	01/10/2014	Chưa giảng báo cáo cấp Trường
11	Mai Ngọc Tuấn	27/09/1982	Chuyên viên 01.003	Bậc 4/9: 3,33	09/10/2016	Chuyên viên 01.003	Bậc 4/9: 3,33	09/10/2016	Chưa giảng báo cáo cấp Trường
12	Đặng Thanh Tuấn	30/12/1986	Chuyên viên 01.003	Bậc 2/9: 2,67	01/06/2015	Chuyên viên 01.003	Bậc 2/9: 2,67	01/06/2015	Chưa giảng báo cáo cấp Trường
13	Lê Thị Phương Thảo	19/8/991	Chuyên viên 01.003	Bậc 1/9: 2,34	01/03/2014	Chuyên viên 01.003	Bậc 1/9: 2,34	01/03/2014	Chưa giảng báo cáo cấp Trường
14	Phạm Đăng Khoa	22/10/1979	Kỹ thuật viên 13.096	Bậc 6/12: 2,86	01/04/2015	Chuyên viên 01.003	Bậc 2/9: 2,67	01/04/2015	Chưa có chứng chỉ chuyên viên
15	Đỗ Thành Trí	12/01/1984	Lưu trữ viên trung cấp 02.015	Bậc 6/12: 2,86	01/07/2016	Chuyên viên 01.003	Bậc 2/9: 2,67	01/07/2016	Chưa có chứng chỉ chuyên viên
16	Lê Thị Hiền	20/12/1986	Kế toán viên trung cấp 6.032	Bậc 4/12: 2,46	22/10/2016	Kế toán viên 6.031	Bậc 1/9: 2,34	22/10/2016	Chưa có chứng chỉ kế toán viên
17	Nguyễn Xuân Quỳnh	19/11/1988	Kế toán viên cao đẳng 06a.031	Bậc 2/10: 2,41	01/09/2014	Kế toán viên 6.031	Bậc 1/9: 2,34	01/09/2014	Chưa có chứng chỉ kế toán viên